

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **132/2021/HSST**
Ngày: 15/10/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Khắc Hùng – Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tuy Phong

2/ Bà Thái Thị Dung – Bí thư Đảng ủy xã Hòa Minh

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2021/HSST, ngày 12 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐHS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐ-HPT ngày 10 tháng 9 năm 2021 và số 56/2021/QĐ-HPT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**; giới tính: Nam; Sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: khu phố H2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Đ; Anh, chị, em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1990; Vợ, con: chưa có; Tiền án: 02 tiền án:

- Ngày 06/02/2007 bị Tòa án nhân dân huyện T phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, tại Bản án số 11/2007/HSST ngày 07/02/1996. Tổng hợp hình phạt bản án số 12/2007/HSST ngày 06/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện T phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Buộc Nguyễn Văn Q chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 15 tháng tù. Đến ngày 08/12/2007 chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại thị trấn C, huyện T (chưa được xóa án tích);

- Ngày 28/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện B1 xử phạt 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 21/2014/HSST. Đến ngày 17/01/2020 chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại thị trấn C, huyện T (chưa được xóa án tích do chưa nộp tiền sung quỹ nhà nước);

Tiền sự: không;

Hoạt động nhân thân: Ngày 23/8/2012 bị Chủ tịch UBND huyện T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 12 tháng tại Quyết định số 90/QĐ-XPHC; Ngày 03/10/2020 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn Bình

Long, thị xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, Bình Thuận bị Công an huyện Bắc Bình khởi tố điều tra, xử lý.

Bị cáo Nguyễn Văn Q bị bắt ngày 25/12/2020 trong vụ án khác và đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T; Có mặt

- Người bị hại: **Hồ L**, sinh năm 1956; Địa chỉ: khu phố H1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, Bình Thuận; Vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Phan Nguyên Ngọc T, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn B xã T, huyện B1, Bình Thuận; Vắng mặt

2/ Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958; Địa chỉ: khu phố H1, thị trấn C, huyện T, Bình Thuận; Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 25/9/2020 Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; trú tại: khu phố H1, thị trấn C, huyện T, Bình Thuận mang 01 cây đoản (cây tua vít) dùng để phá khóa xe, Q đi lòng vòng tại khu phố H1, thị trấn C mục đích tìm tài sản trộm cắp. Khi Q đi đến nhà của Nguyễn Thị L1 tại số nhà 10/1 đường Hàm Nghi, khu phố H1, Q nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 86B1 – 14.71 do Hồ L đứng tên sở hữu, loại xe Wave RSX F1 màu vàng – nâu-trắng nhãn hiệu Honda để bên hông nhà không có người trông coi nên Q dắt xe ra khỏi nhà, Q dùng cây đoản có sẵn phá ổ khóa sau đó nổ máy chạy đến xã T, huyện B1, Q gặp Phan Nguyên Ngọc T trao đổi bán xe cho T giá 3.500.000đ. T hỏi Q xe ở đâu thì Q trả lời: “ xe này của tao xài lâu rồi, không xài nữa nên bán”. T không biết xe mô tô do Q trộm cắp nên đồng ý mua giá 3.000.000đ, sau khi bán xe cho T xong, Q đón xe ôm của 01 người (không rõ nhân thân lai lịch) để đi về lại C, Q lấy tiền tiêu xài cho cá nhân và sử dụng ma túy hết. Đến ngày 26/9/2021, Công an thị trấn C mời Q về trụ sở làm việc, Q đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản, sau đó Q đưa Công an đến nhà T để tạm giữ xe mô tô 86B1 – 134.71.

Ngày 28/02/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T có Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG kết luận: Chiếc xe mô tô 02 bánh hiệu Wave RSX F1, màu vàng – nâu – trắng, dung tích 109, gắn biển kiểm soát 86B1 – 134.71, có số khung: 5233CY027134, số máy: C5269627, xe bánh mâm, đồng hồ thể hiện 18220km; áo xe bị trầy xước nhẹ, không còn kính chiếu hậu, xe vẫn hoạt động bình thường, giá trị sử dụng còn lại khoảng 60% có giá trị: 21.500.000đ x/chiếc x 60% = 12.900.000đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 98/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 12/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q mức án từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, tổng hợp hình phạt tại bản án số 69/2021/HSST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, buộc bị cáo phải chấp hành từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ chấp hành án.

Về tang vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự: Sau khi định giá tài sản Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã trả cho Hồ L chiếc xe mô biển số 86B1 – 134.71. Hồ L không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với Phan Nguyên Ngọc T không biết tài sản do bị cáo Q trộm cắp mà có; T không yêu cầu bị cáo Q trả lại số tiền 3.000.000đ nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo Q không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Bị cáo Q xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 98/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 12/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người liên quan, cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án: “Trộm cắp tài sản” xảy ra tại khu phố H1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận do bị cáo Nguyễn Văn Q thực hiện. Cụ thể vào khoảng 19 giờ, ngày 25/9/2020 bị cáo Q đã lén lút, bí mật trộm cắp 01 chiếc xe mô tô 02 bánh hiệu Ware RSX F1, màu vàng – nâu – trắng, dung tích 109, gắn biển kiểm soát 86B1 – 134.71 của Hồ L có tổng giá trị 12.900.000đ đem bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ tang vật chứng.

Bị cáo Q có 02 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản có tình tiết định khung hình phạt là “*tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Vì vậy, Cáo trạng số 98/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 12/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây nghi kỵ không tốt trong nội bộ quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, bị cáo có nhân thân không tốt có nhiều tiền án nhưng lại tiếp tục phạm tội, nên cũng cần xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật. Xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội thông qua đó để phòng ngừa chung cho toàn xã hội, đồng thời răn đe cho những ai có ý đồ phạm tội tương tự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Do tiền án của bị cáo đã xác định là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Đối với Phan Nguyên Ngọc T không biết tài sản do bị cáo Q trộm cắp mà có; T không yêu cầu bị cáo Q trả lại số tiền 3.000.000đ nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên ghi nhận để xem xét.

[6] Về tang vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự: Bị hại Hồ L đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 86B1 – 134.71 và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q** **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt **24** (hai mươi bốn) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 69/2021/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận, buộc bị cáo phải chấp hành chung 02 bản án: **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/12/2020.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo,
- Người bị hại; Người liên quan;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Lầy